



TIẾP NHẬN DI SẢN THƠ VĂN NGUYỄN BÌNH KHIÊM GIAI ĐOẠN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

RECEPTION OF THE LITERARY HERITAGE OF
NGUYEN BINH KHIEM IN THE FIRST HALF OF THE 20TH CENTURY

Nguyễn Hữu Sơn*

Trường Đại học Cửu Long

*Email: lavson1059@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.02-e.1275>

Ngày nhận bài: 07/02/2026

Ngày phản biện: 09/03/2026

Ngày duyệt bài: 28/08/2026

TÓM TẮT

Về bản chất, văn bản tác phẩm của mỗi tác giả chỉ có một nhưng quá trình nghiên cứu, phê bình, tiếp nhận lại nối tiếp làm nên lịch sử hoạt động “nghiên cứu sự nghiên cứu” văn chương. Với trường hợp Nguyễn Bình Khiêm, hoạt động tiếp nhận tác giả, tác phẩm vào giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX được triển khai đồng bộ trên các phương diện tiểu sử tác giả, văn bản tác phẩm, hoạt động dịch thuật, nghiên cứu, phê bình, trao đổi, giảng dạy, định vị văn học sử và xuất bản. Trên cơ sở sưu tầm, hệ thống hóa các nguồn tư liệu, bài viết tập trung nhận diện hoạt động tiếp nhận tác giả và tác phẩm Nguyễn Bình Khiêm trong xu thế hiện đại hóa phương pháp cũng như thành tựu nghiên cứu, xác định giá trị nội dung, nghệ thuật di sản thơ văn và vị trí văn học sử Trang Trinh trong tiến trình lịch sử văn học dân tộc.

Từ khóa: Nguyễn Bình Khiêm, sấm ký, thơ văn, tiếp nhận

ABSTRACT

In essence, a writer's textual work comprises only one, yet the ongoing processes of study, critique, and reception continuously compose the history of the “study of the study” of literature. In the case of Nguyen Binh Khiem, the reception of the author and his works during the early 20th century was implemented in a coordinated manner across multiple dimensions: the author's biography, the text of the work, translation activities, research, critique, exchange, teaching, positioning within literary history, and publication. Based on collecting and systematising sources, the article focuses on identifying the reception of Nguyen Binh Khiem as both author and work, within the modernising trend of methodology and research achievements; it aims to determine the content value, artistic significance of his poetry and prose heritage, and the position of Trang Trinh in the trajectory of the nation's literary history.

Keywords: Nguyen Binh Khiem, oracles, poetry and prose, reception

MỞ ĐẦU

Trong xu thế hiện đại hóa nền văn học dân tộc giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX đã xuất hiện nhiều công trình dịch thuật, nghiên cứu, giới thiệu thơ văn Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585). Về cơ bản, toàn bộ hoạt động tiếp nhận tác phẩm Nguyễn Bình Khiêm có thể phân chia theo ba định hướng chính yếu: 1) Hoạt động dịch thuật thơ văn Hán Nôm Nguyễn Bình Khiêm ra chữ Quốc ngữ; 2) Xu thế phê bình, phân tích, giới thiệu tác giả và tác phẩm; và 3) Nghiên cứu chuyên sâu theo hướng xác định vị trí văn học sử... Cần nhấn mạnh rằng ba định hướng nội dung trên đây có tính độc lập tương

đối và thường có sự giao thoa, đan kết, liên kết, liên hệ chặt chẽ với nhau.

Chuyển từ thời trung đại sang hiện đại, di sản thơ văn Nguyễn Bình Khiêm đặt ra yêu cầu cần chuyển dịch từ ngữ hệ Hán - Nôm sang Quốc ngữ và định hình những cách nghiên cứu, phân tích, lý giải, bình luận kiểu mới. Vấn đề nhận diện di sản thơ văn Nguyễn Bình Khiêm giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX xác định cần vận dụng các phương pháp văn bản học (phục dựng, thống kê, so sánh), phân tích thơ văn (nội dung, hình thức nghệ thuật), lý thuyết tiếp nhận, thực hiện “nghiên cứu sự nghiên cứu” (xác nhận vai trò chủ thể tác giả tiếp nhận, đặc tính thời đại mới trong nhận thức di sản thơ văn quá khứ và

xác lập hệ quy chiếu ngày hôm nay về lịch sử tiếp nhận thơ văn Nguyễn Bình Khiêm giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, cách khoảng một trăm năm về trước)...

Vào giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX đã xuất hiện một số cây bút tiêu biểu quan tâm đến tác giả, tác phẩm Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm và được triển khai trên ba phương diện cơ bản.

1. Hoạt động sưu tầm, phiên dịch thơ văn Nguyễn Bình Khiêm

Vào giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, hoạt động giới thiệu tiểu sử, sưu tầm, phiên dịch thơ văn Nguyễn Bình Khiêm hoàn toàn do học giới, các cá nhân thực hiện gắn với nhu cầu học thuật và đời sống tinh thần xã hội đặt ra. Chính vì thế mà các công trình “tâm cao” này thường tập trung ở một số nhà Hán học, chuyên gia bậc cao, in trên loại báo chí hàn lâm, hướng đến phổ biến tri thức, áp sát thực tế nghiên cứu và giảng dạy trong nhà trường.

Khởi đầu cho hoạt động phiên dịch tác phẩm Nguyễn Bình Khiêm cần đặc biệt ghi nhận tâm sức của nhà Hán học Đông Châu (Nguyễn Hữu Tiến, 1875-1941) trên *Nam Phong tạp chí* với lời dẫn súc tích, ngắn gọn, cụ thể: “Tập thơ này của cụ Nguyễn tiên sinh Bình Khiêm, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương. Cụ thi đỗ Trạng nguyên năm Đại Chính thứ 6 đời nhà Mạc (1535), làm quan Tả Thị lang, Đông các học sĩ, phong Trình quốc công, bởi vậy người ta thường gọi là cụ Trạng Trình... Khi cụ làm quan, có dâng sớ hặc 18 người lộng thần, rồi cáo quan về ở nhà, tự hiệu là Bạch Vân Cư Sĩ. Cụ tinh thông lý học, chí khí cao thượng, không muốn làm quan đời nhà Mạc. Vậy phát ra thơ văn có ý ẩn dật tự cao: nay có truyền lại tập thơ *Bạch Vân* này toàn bằng quốc âm, ước độ 100 bài, làm theo “trường đoản cách”, có câu ngắn sáu chữ (lục ngôn), có câu dài bảy chữ (thất ngôn), có bài đủ 8 câu, có bài chỉ có 4 câu, 6 câu mà thôi, cũng là một lối thơ riêng về thời bấy giờ. Vậy xin khảo hiệu mà trích dịch ra sau này, có câu nào sai nhầm, xin để chất vắn chư bác nhả quân tử”; tiếp đó là phần biên soạn, phiên âm, khảo đi, chú giải, giới thiệu 8 bài (đánh số thứ tự I - VIII), ghi rõ nguồn *Bạch Vân thi tập*, xếp trong mục “Văn uyên” và cẩn thận dẫn giải: “Những bài thơ này nhờ cô, chúng tôi sao ở một tập

Nôm cũ ra, nhiều câu chưa dám chắc rằng đúng, song cũng cứ đăng để lưu lấy một áng văn chương cũ của nước nhà. Các chỗ nghi xin để chất vắn chư bác nhả quân tử” (Châu, 1918)...

Trong số kế tiếp, Đông Châu giới thiệu 8 bài (IX-XVI) kèm chú dẫn “Tập thơ này truyền lại còn nhiều chữ sai, xin các ngài có biết thì sửa lại cho” (số 15, tháng 9-1918, tr.156); số tiếp sau thêm phụ đề “Thơ cụ Trạng Trình. Của Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm tiên sinh (1530-1540)”, in 8 bài (XVII-XXIV) kèm chú dẫn: “Tập thơ này đã đăng báo từ số 14 (95-96) và số 15 (156), nay lại tục đăng dần cho được toàn tập. Cụ Bạch Vân (tức là Trạng Trình) làm quan về đời Mạc Đại Chính (1530-1540), vậy thơ này kể cũng là cổ lắm, bản quán cứ theo bản Nôm cũ mà sao ra, hoặc còn có chỗ ngờ, xin các ngài có biết thì sửa lại cho” (Châu, 1919); tiếp theo in 10 bài (XXV-XXXIV) kèm dẫn giải: “Xem *Nam Phong*, số 14 (95-96), số 15 (156), 29 (427-428). Bản quán cứ theo bản Nôm cũ mà sao ra, hoặc còn có chỗ ngờ, xin các ngài có biết thì sửa lại cho” (số 30, tháng 12-1919, tr. 537-538); số tiếp sau cũng in 10 bài (XXXV-XLIV) có phụ đề “*Bạch Vân thi tập* của Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm tiên sinh (1530-1540)” kèm chú thích: “Xem *Nam Phong*, số 14 (95-96), 15 (156), 29 (427-428), 30 (537-538)” (số 31, tháng 1-1920, tr. 64-65); đến số sau in tiếp 6 bài (XLV-LI), rút gọn phụ đề “Cụ Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm tiên sinh (1530-1540)” kèm dẫn giải: “Tiếp theo số 31 (trang 64-65). Tập này sao theo bản chữ Nôm cũ, có bài chỉ có sáu câu, có câu chỉ có sáu chữ, theo lối thơ lục ngôn. Chưa chắc đã kê cứu cho đích. Vậy có chữ sai lầm, xin các ngài bảo cho” (Châu, 2020); số tiếp sau cũng in gọn 6 bài (LII-LVII; số 36, tháng 6-1920, tr. 534); đến kỳ số cuối cùng in 8 bài (LVIII-LXV; số 37, tháng 7-1920, tr. 61-62)... Cộng chung, Đông Châu đã phiên âm, giới thiệu, tuyển in 65 bài thơ Nôm trong *Bạch Vân thi tập* của Nguyễn Bình Khiêm.

Vào giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, có thể thấy một mình nhà Hán học Đông Châu Nguyễn Hữu Tiến đã tuyển chọn, phiên âm, giới thiệu 65 bài thơ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm. Đây là nền tảng cơ sở văn bản giúp cho người đọc hiểu biết giá trị thơ văn và tôn vinh

Nguyễn Bình Khiêm như một tác giả văn học tiêu biểu thế kỷ XVI và trong tiến trình phát triển thơ Nôm dân tộc.

2. Đặc tính dòng thơ sấm ký

Nổi danh với vị trí danh nho Trạng Trình, với tiếng thơ triết lý thế sự, với khả năng dung hòa các phe phái Lê - Mạc - Trịnh - Nguyễn, uy vọng Nguyễn Bình Khiêm còn được tôn vinh, ảo hóa, thiêng hóa với dòng thơ sấm ký. Nổi tiếp những Nguyễn Đình Không (?-808), La Quý An (thế kỷ IX-X), Nguyễn Vạn Hạnh (?-1018), Mạc Đĩnh Chi (1272-1346), Nguyễn Trãi (1380-1442), Tả Ao (thế kỷ XV),... dòng thơ sấm ký thời trung đại đạt đến cực thịnh ở Nguyễn Bình Khiêm, sánh ngang với nhiều nhà tiên tri, chiêm tinh, dự báo, ngoại cảm nổi tiếng trên thế giới.

Ngay từ đương thời và sau khi qua đời, Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã nổi danh với sách *Thái Ất thần kinh*, lời truyền “An Nam lý học hữu Trình Tuyền” và hệ thống truyền thuyết, dã sử, sấm ngôn, sấm ký, giai thoại nổi dài qua các đời.

Đặc tính chung của dòng thơ sấm ký là màu sắc thần bí và hư huyền, có đó có giải, vừa ảo và giải ảo, vừa hư vừa thực, vừa tiên tri vừa chứng nghiệm. Nhân sự kiện xảy ra ở chính làng Cổ Am quê hương Nguyễn Bình Khiêm (tháng 2-1930) và ngay sau đó báo *Phụ nữ tân văn* đã kịp thời đưa tin từ hệ hình quy chiếu sấm ký: “Nhơn việc biến động ở ngoài Bắc mới rồi, bọn khởi nghịch đánh phá huyện Vĩnh Bảo rồi rút về làng Cổ Am, quan Thống sứ Bắc Kỳ Robin bèn sai mấy chiếc phi cơ bay về làng ấy, liệng xuống 57 trái bom, mỗi trái 10 kilos và bắn súng hột lựu nữa, phá làng Cổ Am và mấy làng phụ cận. Quang cảnh ở đó bây giờ, trời chiều bóng xế, nhà thi sĩ nào đi ngang, có thể phát ra nhiều bài thi cảm khái (...). Nhơn việc ngày nay mà khiến cho tôi nhớ lại, hồi 8 năm trước. Tôi nhơn có dịp về làng Cổ Am, tới viếng nhà thờ ông Nguyễn Bình Khiêm, mong rằng khảo cứu được điều gì hay, vì ông là một nhà học vấn có danh ở trong lịch sử. Nhà thờ chỉ có một ông già, là cháu xa xa của ông, ở đó coi giữ; còn **cháu chắt chánh tông của ông thì nghe nói sang ở bên Xiêm hết**. Hỏi những sách vở và sấm truyền của ông, có còn di tích gì trong nhà thờ ở Cổ Am không, thì ông già kia

nói: “Bao nhiêu sách vở của ông cụ tôi, thì từ xưa cụ tôi đã dọn lại, đem vào trong Thanh Hóa hết, chớ không có món gì ở đây, vì cụ tôi di chúc rằng làng này không được lâu dài. Vậy ông có muốn xem xét thì nên vào **làng Nguyệt Viên trong Thanh Hóa**” (...). Theo như lời ông thủ từ nói trên kia thì ông Trạng Trình đã dặn con cháu qua nước Xiêm ở, và đem cả sách vở vào làng Nguyệt Viên mà để, vì làng Cổ Am không được lâu dài. Vậy thì có lẽ nhà lý học kia đã biết trước rằng làng Cổ Am của ông ngày nay sẽ bị như vậy chăng?” (V.T, 1930)...

Những chi tiết về sự kiện xảy ra ở làng Cổ Am gắn với linh giác tiên tri, lo trước hàng trăm năm việc trị an làng xã, con cháu, sách vở của Nguyễn Bình Khiêm tiếp tục được khai thác, thu hút thêm các nguồn tài liệu, văn bản sấm ký mới: “Nhơn việc biến động xảy ra ngoài Bắc hồi tháng 2 mới rồi, bọn khởi nghịch, sau khi đã giết ông huyện Vĩnh Bảo là Hoàng Gia Mô rồi thì rút vào làng Cổ Am. Chánh phủ bảo hộ liền sai 5 chiếc máy bay về bắn phá làng ấy... Nhơn việc đó, mà số báo 44 mới rồi, bản báo có đăng bài *Ông Nguyễn Bình Khiêm và làng Cổ Am*. Trong bài đó, nói ông Nguyễn Bình Khiêm, tục gọi là ông Trạng Trình, là người làng Cổ Am. Ông sanh nhằm giữa đời nhà Lê, vốn là một nhà tinh thông về lý học, biết được mọi việc vị lai. Người ta tương truyền rằng ông có đặt ra nhiều câu sấm, đăng nói tiên tri về thời thế. Nhơn vậy, chúng tôi hỏi rằng ông Trạng Trình là người tiên tri như thế, mà ông có biết trước rằng làng Cổ Am của ông có ngày nay hay không?... Ông có biết trước hay không, sự đó ngày nay chưa kiểm ra bằng cứ. Chỉ biết rằng sau khi ông chết, có dặn lại con cháu đi ở chỗ khác, và dời hết sách vở của ông vào trong Thanh Hóa, chớ không để ở nhà, vì theo lời di chúc của ông, thì làng Cổ Am không được bền vững. Bởi vậy, có người đến thăm làng Cổ Am, chỉ thấy một cái nhà thờ tịch mịch, cỏ mọc rêu phong; còn con cháu thì đều di cư sang Xiêm, thư tịch đều đem vào Thanh Hóa hết. Coi như vậy thì có lẽ ông Trạng Trình biết trước cái số phận của làng Cổ Am, chớ có phải không biết đâu... Sau khi bài ấy ra, có một bạn đọc giả ở Vạn Hoa ngoài Bắc, gửi vào cho bản báo một bài thi của ông Trạng Trình nói tiên tri về việc đó. Vì lòng hiếu cổ nên bản báo lục đăng ra như sau này.

*Hiu hiu gió thổi, lá rung cây,
Từ Bắc sang Nam, Đông tới Tây.
Cửa nhà tan tác ra cồn cát,
Rừng núi ruộng nương hóa vũng lầy.
Tan tác Kim Kiều tung đất nước,
Xác xơ Cổ thụ sạch Am mây.
Một gió, một yên, ai sủng bái,
Cho con người Vĩnh, Bảo cho hay.*

Không rõ rằng ông bạn của bốn báo kiểm bài thi này ở đâu ra, nhưng xem bài này, rồi so sánh với những bài của ông Trọng Trình mà tạp chí *Nam Phong* đã lục ra thì hình như có văn thể giống nhau, nghĩa là đều trúc trắc như vậy cả... Trong bài thi trên đây, câu thứ nhứt là tả cảnh về mùa lạnh, thì hồi làng Cổ Am bị bắn, chính là thuộc về tiết lạnh ở ngoài Bắc. Con câu sáu có ẩn hai chữ Cổ Am, câu tám có ẩn hai chữ Vĩnh Bảo, là tên một huyện thuộc tỉnh Hải Dương mà làng Cổ Am lại thuộc vào huyện đó. Lại cả toàn bài, thấy cái dụng ý của ông như mờ, như tỏ, như gần, như xa, thật không ai hiểu rõ (...).

Cái lối văn thần bí, thì nước nào cũng vậy. Bốn báo đăng lên, cốt là để cung cho các nhà bác học một cái tài liệu khảo cứu về lịch sử vậy... Chẳng những là bài thơ ấy mà thôi, ông bạn ở Vạn Hoa lại chép luôn cả một câu hát cũng của ông Trọng Trình, đi theo với bài thi kia nữa. Câu hát như vậy.

*Bàng tít con quay,
Gió xoay chong chóng.
Cửa đóng then gài,
Hỏi khách đông lân:
Nhờ mười lạng,
Thương một cân.
Biết rằng ai có dự phần với ai?*

Câu hát này, nghĩa thế nào, nói về sự gì? Xin hỏi các nhà bác học” (PNTV & Vạn Hoa, 1930)...

Ở đây tòa báo không chỉ cung thêm văn bản sấm ký được xem là của Nguyễn Bình Khiêm do Vạn Hoa cung cấp, vừa rộng đường thông tin vừa đề xuất các bậc thức giả cùng tìm hiểu, suy đoán, lý giải. Từ đây lại có thêm bài báo của tác giả từ Hải Dương gửi vào mang tính chất trao đổi, khảo dị về văn bản một bài thơ 16 câu theo điệu “Thi ca liên hành” được cho là bài thơ sấm của Nguyễn Bình Khiêm nói

về sự kiện trên, đồng thời vừa lý giải vừa mở rộng giả thiết: “Đến như tám câu ca ở dưới thì bán ẩn bán hiện, khó mà hiểu được, chỉ nên biết rằng:

*Vất tay nằm nghỉ đông dài,
Thương người có một, lo hai phận mình?*

Sấm đó là của một người làng Cổ Am đọc lại cho tôi nghe và nói rằng:

Trong khi làng đó bị triệt hạ thì miếu thờ ông Trọng Trình cũng bị đổ lây; cách mấy tuần lễ sau, dân làng ra sửa sang lại, thấy có một tấm bia nho nhỏ, từ xưa di truyền lại mà dân làng chưa từng trông thấy bao giờ, nay tự nhiên thấy ở chun tường đổ lộ lên. Trên tấm bia đó có khắc ba hàng chữ Hán, viết theo lối chữ triện.

*Canh niên tàn phá,
Tuất, Hợi, phục sanh,
Nhị ngũ dư bình.*

Theo như câu sấm này, thì có lẽ tiên sanh đã biết trước rằng đến năm Canh thì làng Cổ Am và miếu thờ tiên sanh bị tàn phá vì bọn bạo động; năm nay chính là năm Canh Ngọ, tức là năm Canh vậy. Tuy năm nay bị tàn phá, nhưng đến năm Tuất, năm Hợi, nghĩa là bốn năm năm nữa, thì lại tu bổ lại đặng, cho nên tiên sanh nói “Tuất, Hợi phục sanh”. Còn câu “Nhị ngũ dư bình”: Nhị ngũ là hai năm, mà hai năm là mười, hay là mười năm nữa mới tu sửa lại nền xưa chăng?... Đó đều là lời phỏng đoán, còn mong hải nội chư quân giải nghĩa giùm cho” (Viễn, 1930)...

Qua tám năm sau, ký giả Lan Đình (Bùi Thế Mỹ, 1904-1943) sau khi nhắc đến sự tương hợp giữa sấm Trọng Trình với các sự kiện Quốc dân Đảng bạo động ở Yên Bái và Pháp ném bom làng Cổ Am đã mở rộng liên hệ, phân tích, giải thích hiện tượng tiên tri, sấm ký, dự báo ở tầm quốc tế:

“Chẳng những biết trước việc bên trong nước mà hình như ông Trọng Trình của ta lại còn biết trước việc bên ngoài nước nữa kia (...). Ông Trọng Trình lại còn nói:

*Thiên hoàng Thượng đế cho rồng xuống,
Tang hải thương điền mây gió cuốn.
Khói bốc một trời Nam mật mù,
Bèo trôi bốn bể, sóng cuộn cuộn.
Thất Kinh ngựa Tế về Nam phủ,
Gây cảnh chìm sa xuống Loan Đài.*

*Bốn con bù nhìn ngồi ngất ngầu...
Kìa thằng cắt cỏ đứng đợi ai?*

Người ta tin mấy câu “Sấm” này có quan hệ đến vụ Hoa - Nhật, là vì thấy trong đó ông Trọng có nói đến ông “Thiên hoàng” Nhật Bản, đến Thượng Hải, Nam Kinh, Tế Nam phủ và Đài Loan. Sau lại, “Bốn con bù nhìn” hình như là ám chỉ mấy cái chánh phủ múa rối thân Nhật; còn “thằng cắt cỏ” phải chăng là nước Nga với cái “liềm” cọng sắn?... Dầu sao chưa biết, trước đây báo Tàu đã nói đến những sấm Lưu Bá Ôn và bia Gia Cát Lượng, thì tôi tưởng mình cũng nên công bố những “Sấm Trọng Trình” này cho vui. Còn tin hay không tin, ấy là quyền của độc giả” (Đình, 1938)...

Về sau này, trên một tạp chí hàn lâm, văn sĩ Hy Đạm (Nguyễn Hữu Tri) cho biết đã từng đến làng Cổ Am tìm hiểu lai lịch Trọng Trình và liên hệ biện luận cho câu chuyện thơ xướng họa sấm ký ly kỳ diễn ra ở vùng núi Sam - Châu Đốc (An Giang) biên viễn phương Nam xa xôi:

“Nhân nói đến thơ sấm, tưởng nên thuật luôn câu chuyện sau này, theo lời một vị cổ lão kể lại. Chuyện xảy ra trên núi Sam, thuộc tỉnh Châu Đốc (Nam Kỳ). Khoảng đôi ba mươi năm về trước. Thử hỏi, núi Sam có tiếng là nơi có nhiều người lên ở trong những hang sâu động kín để học đạo tìm tiên. Nhiều văn nhân thi sĩ thỉnh thoảng cũng đến đó chơi; những đêm tĩnh mịch, thường bày ra cuộc xướng họa thi văn cùng người khuất mặt. Đêm nọ, có người giảng bút, xưng là Bạch Vân Trình. (Có lẽ chính là cụ Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm, buổi văn niên về trí sĩ ở am Bạch Vân đó chăng?). Các văn hữu cùng xin người cho một bài thơ. Người bảo hãy xướng trước rồi người sẽ họa sau. Trong anh em có người hay thơ hơn hết, vốn là một nhà nho, quê ở Thủ Dầu Một (Nam Kỳ). Ông này qua Châu Đốc chơi đã lâu, nhớ nhà, đã định khăn gói trở về, nhưng anh em còn bảo ở nán lại chơi đêm đó. Ông bèn xuất khẩu một bài thơ lưu biệt, lại có ý chơi khăm, hạ ít vần khó họa, để bắt bí cụ Bạch Vân Trình chơi!... Thơ rằng:

*Một bước chơn ra một sứt sè,
Lỡ về, lỡ ở, lỡ so se.
Cầm tay xin nhớ lời căn dặn,
Nhìn mặt khôn nguôi nét nỡ nề.*

*Chiu chít non Sam chìm nhớ bạn,
Mơ màng trời Thủ bụng trông quê.
U tình ai có hay cho chẳng?
Một bước chơn ra một sứt sè!*

Dưới đây là một bài thơ họa lại của Bạch Vân Trình:

*Ngàn dặm trông theo cánh nhận sè,
Thâm tình giọt ướt, giọt chưa se.
Văn chương gấn nhớ lời trân trọng,
Vàng đá riêng thương nghĩa nặng nề.
Tử lý đó về tan giấc mộng,
Cổ hương đây lại mùi lòng quê.
Ly đình từ bước đau từ đoạn,
Ngàn dặm trông theo cánh nhận sè.*

Đây là chép lại một câu chuyện truyền khẩu, sự thực có quả đúng như thế chăng, không lấy chi làm chắc. Nhưng dầu sự thực không đúng như vậy nữa, cũng còn lại hai bài thơ xướng họa cũng hay. Hay nhất là bài thơ của Bạch Vân Trình nói là của người khuất mặt, thì mới câu đầu: “Ngàn dặm trông theo cánh nhận sè”, nghe đã như phiêu diêu trong cõi khói mây rồi. Vì thế tôi chép lại để cống hiến bạn đọc làm một câu chuyện mỹ đàm trên thi đàn” (Đạm, 1944)...

Từ nhiều góc độ khác nhau, người đầu thế kỷ XX vừa biên soạn, khai thác, phổ biến nguồn thơ sấm ký Nguyễn Bình Khiêm của Sở Cuồng [Lê Dư] (Cuồng, 1930), Lan Đình (1930) và những A (A, 1939), Nguyễn Năm Thông (Thông, 1940), B (B, 1949), vừa thử phân tích, dự đoán, giải mã, so sánh và đối sánh giữa lời thơ sấm ký với nhân vật, sự kiện, thời gian, địa điểm thực tại ở cả trong nước và thế giới. Phân đông các ý kiến vừa bị hấp dẫn, mê hoặc nhưng cũng dè chừng, phân vân, nghi ngại, bán tín bán nghi. Định hướng tiếp nhận sấm ký Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm cũng tương đồng như mọi trường hợp nhà sấm vĩ, tiên tri, dự báo trên thế giới.

3. Nghiên cứu, bình luận, giảng dạy thơ văn Nguyễn Bình Khiêm

Hoạt động nghiên cứu, bình luận, giảng dạy thơ văn Nguyễn Bình Khiêm có mối liên hệ chặt chẽ với nền tảng khảo cứu, phiên dịch, xuất bản. “Có bột mới gột nên hồ” nhưng cũng cần thấy vai trò của tiếp nhận tác phẩm, quá

trình “nghiên cứu sự nghiên cứu”, ngày càng phát kiến thêm những giá trị mới và làm nên văn học sử.

Từ khá sớm, một năm sau khi công bố văn bản thơ Nôm *Bạch Vân thi tập*, Đông Châu căn cứ theo *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú (1782-1840) giới thiệu về các danh nho Việt Nam đã biên dịch tiểu sử Nguyễn Bình Khiêm, phân tích nội dung, nghệ thuật cả bộ phận thơ chữ Nôm, chữ Hán và nhấn mạnh: “Trong khoảng năm Quang Thiệu - Thống Nguyên (Lê Chiêu Tôn) (1516-1527) đời nhà Lê, Trịnh Tuy với Mạc Đăng Dung đều có ý muốn tranh quyền, đánh nhau luôn mấy năm, trong nước rối loạn. Ngài tính số Thái Ất, biết rằng nhà Lê sau còn trung hưng, có bài thơ cảm hứng rằng:

*Thái hòa nào phải buổi Ngu Chu,
Đánh lẫn nhau chi mấy kẻ thù?”* (Châu, 1921)...

Điều đặc biệt, thi sĩ giao thời cận - hiện đại Tân Đà cảm nhận và bình luận, bình giảng cái hay cái đẹp của thơ Nguyễn Bình Khiêm: “Thơ có hai tính chất: tài và tình. Tài là tài nghệ, tức là thuộc về nghĩa Mỹ thuật; tình là tình hoài, tức là thuộc về nghĩa lương năng. Mỹ thuật và lương năng, đều đã có trong bài số 28 (Xin xem Tân Đà (1934), “Cùng các bạn làng thơ”, *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 28, ra ngày 8-12, tr.18 - NHS thêm). Một bài thơ, một câu thơ, mà có hai tính chất thời là thơ hay: trong hai tính chất mà riêng có một, hoặc riêng nhiều nặng về một, cũng là thơ hay. Xin dẫn nhiều các thứ thơ văn, phân trần, giảng luận (...).

*Trăng trong gió mát là tương thức,
Nước biếc non xanh ấy cố tri.*

Hai câu này của cụ Nguyễn Bình Khiêm cứ ý tôi lấy làm tuyệt hay: nói về tình thì cái tình chân thực mà thanh cao, quả như có tiên phong đạo cốt. Nói về tài thì hai câu rất cân đối nhau. “Trăng trong gió mát” đối với “Nước biếc non xanh”, chữ “là” đối với chữ “ấy”, hai chữ “tương thức” đối với hai chữ “cố tri” (*tương thức, cố tri*, những chữ này đều là Hán văn, mà đều đã gần ra quốc văn) lại hợp hai câu làm một thời thành một bức sơn thủy mà có cả phong nguyệt, tài tình đúc lại nên tranh; lại xem ra có vẻ rất thiên nhiên, không thấy chỗ dụng công đâu hết. Thơ niêm luật đến như thế, đầu

người Đường ở Trung Quốc, tưởng không còn có thể hơn” (Đà, 1934)...

Rồi sau khi điểm danh, so sánh thơ của những Lê Thánh Tông, Thanh Quan, Tôn Thọ Tường, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Quách Tấn, Tham Toàn và tập trung đối sánh lối thơ bình dân đặc sắc Hồ Xuân Hương với tiếng nói triết lý thế sự tầm cao Nguyễn Bình Khiêm: “Lại như bài *Canh khuya cảm thán*:

*Đêm khuya vắng vắng tiếng canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non!*

Một câu thứ hai đó, cũng tuyệt là linh diệu, như hòn ngọc bóng lộn không vết vấy. Tài tình đến cực điểm, phải thành tự nhiên. Thơ cô Hồ Xuân Hương những câu đây, cùng với thơ cụ Nguyễn Bình Khiêm đã dẫn nói ở kỳ trước, phong tình với đạo học, hai cái tính cách khác hẳn nhau, mà cái hay đều đến cực điểm, vì cái tính cách về bên tình, một thanh cao, một lắng lơ, cùng đều đến cực điểm vậy. Hai tính chất của thơ, tình thật là gốc, làng thơ nhận thế hay chăng?” (Đà, 1935)... Vậy là Tân Đà tiếp nhận, đánh giá cao cả hai phong cách, hai thái cực thẩm mỹ “đều đến cực điểm”, đáp ứng các tầng lớp độc giả, thị hiếu ở hai giai đoạn lịch sử khác nhau và nhiều phương diện văn hóa khác xa nhau.

Dưới chế độ thực dân, khi học thuật và giáo dục đã đến độ trưởng thành, nhà giáo Dương Quảng Hàm (1898-1946) - Giáo sư trường Trung học Bảo hộ ở Hà Nội - đã được Nha Học chính Đông Pháp tin cậy ủy quyền soạn bộ sách giáo khoa *Việt Nam văn học sử yếu* dùng cho Ban Trung học Đông Pháp và các lớp trên Ban Trung học Pháp (Hàm, 1942). Tại phần dành cho năm thứ nhất ban Trung học Việt Nam (Lớp nhì trong các trường trung học Pháp), thiên thứ hai- *Ảnh hưởng của nước Tàu*, chương thứ sáu - *Sự truyền bá Phật giáo và Đạo giáo*, Dương Quảng Hàm nhấn mạnh khả năng ảnh hưởng Phật giáo và Đạo giáo đối với văn chương của ta “Không kể phương diện tín ngưỡng và dị đoan, Phật giáo và Đạo giáo rất có ảnh hưởng đến văn chương nước ta. Trong tác phẩm cũ của ta, bao nhiêu những tư tưởng phóng khoáng, nhân bản, yếm thế là do ở Đạo giáo mà ra. Thí dụ, trong tập thơ của Nguyễn Bình Khiêm và trong tập hát nói của Nguyễn Công Trứ, những bài vịnh cảnh nhàn đều là

chịu ảnh hưởng của Đạo giáo cả” (Hàm, 1951a)... Đến thiên thứ tư- *Các thể văn*, chương mười ba- *Các thể văn của Tàu và của ta. Thi pháp của Tàu và âm luật của ta*, Dương Quảng Hàm chú trọng giới thiệu một bài thơ, một lối thơ của Nguyễn Bình Khiêm “thực ra không phải là lối riêng, chỉ là một cách làm thơ để vui chơi cho các thi gia Tàu và ta” và dẫn giải: “Lục ngôn thể 方言體 là lối thơ thất ngôn xen vào vài câu chỉ có 6 chữ. Lối thơ này ở nước ta về đời Trần, Lê hay dùng. Thí dụ:

Cảnh nhàn

Lạ là thành thị, lạ lâm toàn,
Được thú thi hơn miễn phận nhàn.
Vụng, bất tài nên kém bạn.
Già, vô sự ấy là tiên. (lục ngôn thể)
Đồ thư một quyển nhà làm của,
Phong nguyệt năm hồ khách nổi thuyền.
Dù nhàn chê khen, dù miệng thể.
Cơ mầu tạo hóa mặc tự nhiên” (Hàm, 1951b).

Đến phần dành cho năm thứ nhì ban Trung học Việt Nam (Lớp nhất trong các trường trung học Pháp), thiên thứ ba- *Thời kỳ Lê, Mạc (Thế kỷ XV và XVI)*, chương thứ năm- *Các nhà viết thơ văn chữ Nho trong triều Hậu Lê (Phụ nhà Mạc)*, Dương Quảng Hàm khái quát vị thế Nguyễn Bình Khiêm trong toàn cảnh một thời đại thi ca: “Về đời nhà Mạc, một thi gia nổi tiếng nhất là Nguyễn Bình Khiêm 阮秉謙 (Xem tiểu truyện ở Chương thứ tám), tức Trạng Trình. Sau khi ông về trí sĩ, ngâm vịnh rất nhiều, có soạn ra *Bạch Vân Am tập* 白雲庵集. Theo bài tựa của tác giả, tập ấy có một ngàn bài thơ vịnh phong cảnh thiên nhiên và tính tình của tác giả: lời văn bình đạm, rõ ra một bậc nhàn tản, thanh cao” (Hàm, 1951c)... Tiếp qua chương thứ tám- *Các tác phẩm đầu tiên bằng tiếng Nam. Thơ đời Hồng Đức (thế kỷ thứ XV). Thơ của Nguyễn Bình Khiêm, tức Trạng Trình*, Dương Quảng Hàm tập trung dẫn giải và khái quát sự nghiệp thơ văn Trạng Trình cả về nội dung và đặc sắc nghệ thuật:

“Trong thế kỷ thứ XVI, dưới chánh quyền nhà Mạc, có một thi gia nổi tiếng là Nguyễn Bình Khiêm.

A) Tiểu truyện.- Nguyễn Bình Khiêm 阮秉謙 (1491-1585), tự là Hanh Phủ 亨甫, hiệu là Bạch Vân cư sĩ 白雲居士, người làng Trung

Am, huyện Vĩnh Lại (nay là phủ Vĩnh Bảo, tỉnh Hải Dương), đỗ Trạng nguyên năm 1535 (Mạc Đăng Doanh, Đại chánh thứ 6), làm quan đến Lại bộ Tả Thị lang kiêm Đông các Đại học sĩ, ở triều tám năm, đăng sổ hạch mười tám người lộng thần. Năm 1542 (Mạc Phúc Hải, Quang Hóa thứ 2), ông xin về trí sĩ, làm nhà ở làng gọi là Bạch Vân Am 白雲庵 để ở, rồi chỉ đi chơi những nơi núi non sông biển để thưởng ngoạn phong cảnh và ngâm vịnh thơ văn... Ông tuy ở nhà, nhưng vua Mạc vẫn tôn trọng lắm, có công việc to vẫn hỏi đến. Hai năm sau, được phong tước Trình Tuyền hầu 程泉侯, sau lại được thăng Lại bộ Thương thư và phong tước Trình Quốc công 程國公, bởi thế tục thường gọi là Trạng Trình. Ông thọ 95 tuổi.

B) Tác phẩm.- Về phần chữ Nôm (Tác phẩm chữ Nho đã nói trong Chương thứ V), hiện nay còn truyền lại một tập *Bạch Vân quốc ngữ thi* 白雲國語詩 gồm non một trăm bài không có đề mục. Những bài ấy hoặc vịnh cảnh nhàn tản, hoặc tả thế thái nhân tình để ngụ ý khuyên răn người đời. Lời thơ bình đạm mà có ý vị: những bài vịnh cảnh nhàn thì phóng khoáng, thanh tao, rõ ra phẩm cách một bậc quân tử đã thoát vòng danh lợi mà biết thưởng thức cảnh vật thiên nhiên; còn trong những bài răn đời thì có giọng trào phúng nhẹ nhàng, kín đáo, rõ ra một bậc triết nhân đã từng trải việc đời và am hiểu tâm lý người đời. Thật là một lối thơ đặc biệt trong nền văn Nôm của ta. Thơ viết theo thể thất ngôn có xen những câu lục ngôn (Xem Phần thứ nhì, Bài số 51-55)” (Hàm, 1951d)...

Cho đến phần tổng kết khái lược về nền văn học truyền thống dân tộc, Dương Quảng Hàm tiếp tục khẳng định vị thế thi gia “biệt tài” Nguyễn Bình Khiêm: “Các cụ chỉ viết văn như thơ, phú, ca, ngâm. Về những thể này, tuy trong lúc ban đầu (thế kỷ thứ XIV và XV), các tác phẩm còn chịu ảnh hưởng của Hán văn một cách quá nặng nề nhưng dần dần về sau đã thoát ly được cái ảnh hưởng ấy mà tự gây lấy tính cách biệt lập; có mấy nhà có biệt tài (Nguyễn Bình Khiêm, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương) đã làm cho nền văn ấy khởi sắc hẳn lên” (Hàm, 1951e)...

Đồng thời với bộ giáo khoa thư *Việt Nam văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm tiếp tục

soạn bộ sách công cụ *Việt Nam thi văn hợp tuyển* thiên về bổ sung, tra cứu, đọc thêm tư liệu, trong đó tuyển in 5 bài thơ Nôm từ *Bạch Vân quốc ngữ thi* của Nguyễn Bình Khiêm (số 55-59, các bài *Vui cảnh nhàn*, *Cảnh nhàn lúc tuổi già*, *Nhàn tình thế thái*, *Dĩ hòa vi quý*, *Mùa thu đi chơi thuyền*) (Hàm, 1943)...

Đến chặng đường cuối, Hạo Nhiên Nghiêm Toàn (1907-1975) trong công trình *Việt Nam văn học sử trích yếu* chỉ nêu nhận định vắn tắt và giới thiệu hai bài thơ Nôm: “*Bạch Vân thi tập*. Của Trạng Trình, độ một trăm bài, hoặc vịnh cảnh nhàn, hoặc ngụ ý khuyên răn. Lời thơ giản dị, nhẹ nhàng, tư tưởng thanh cao, khoáng đạt, rõ ra giọng bậc đạt nhân, danh lợi ngoài vòng, biết thông cảm với thiên nhiên, còn đối với đời, tác giả có giọng châm biếm nhưng ôn hòa của bậc quân tử hiểu đời và đã nhiều từng trải.

Mùa thu đi chơi thuyền

*Nước xuôi, nước ngược sóng dâng triều,
Thuyền khách chơi thu, nọ phải diu.
Chèo vượt bóng trăng nhàn lúc hứng,
Buồm giương ngọn gió mặc cơn xiêu.
Phơ phơ đầu bạc ông câu cá,
Leo leo giò xanh con mắt mèo.
Le vẹt cùng ta như có ý,
Đến đâu thời cũng thấy đi theo.*

Nhàn tình thế thái

*Thế gian biến cải vừng nên đời,
Mặn, nhạt, chua, cay lẫn ngọt, bùi.
Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử,
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi.
Xưa nay đều trọng người chân thực,
Ai nấy nào ưa kẻ dãi bôi.
Ở thế mới hay người bạc ác,
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui” (Toàn, 1949).*

Trên thực tế, hoạt động nghiên cứu, bình luận, giảng dạy thơ văn Nguyễn Bình Khiêm giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX chưa có nhiều chuyên san, chuyên khảo, kỷ yếu hội thảo khoa học nhưng đã được biết đến khá sâu rộng trong cả nước, được coi trọng trong loại sách giáo khoa thư và giảng dạy trong nhà trường cả về nội dung, nghệ thuật thơ ca cũng như vị trí văn học sử.

KẾT LUẬN

Vào giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, trường hợp tác gia, tác phẩm Nguyễn Bình Khiêm đã từng bước được phiên dịch, phổ biến trong cả nước và được đánh giá cao. Học giới, văn nhân và giáo giới đều nhận mạnh đặc sắc vị thế Nguyễn Bình Khiêm ở tầm cao nhà Lý học Trạng Trình, biệt một phái thơ sấm ký và dòng thơ Nôm triết lý thế sự cùng những sáng tạo của lối thơ thất ngôn xen lục ngôn. Trên tổng thể, hoạt động phiên dịch, nghiên cứu, giới thiệu cuộc đời và sự nghiệp thơ văn Nguyễn Bình Khiêm góp phần đặt nền móng cho việc xác định vị thế Trạng Trình trên cả hai chiều đồng đại và lịch đại cũng như thúc đẩy quá trình hiện đại hóa phương pháp và cách thức tiếp cận văn học truyền thống dân tộc trong thời đại giao lưu, hội nhập và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- A. (1939), *Sấm Trạng Trình*. Nxb. Mai Lĩnh, Hà Nội, tr. 1-35.
- B. (1949), *Sấm Trạng Trình*. Nxb. Nam Ký, Hà Nội, tr. 1-88.
- Đông Châu (Sao lục) (1918), “*Bạch Vân thi tập*”, *Nam Phong tạp chí*, số 14, tháng 8, tr.95-96.
- Đông Châu (Sao lục) (1918), “*Bạch Vân thi tập*”, *Nam Phong tạp chí*, số 15, tháng 9, tr.156.
- Đông Châu (Sao lục) (1919), “*Bạch Vân thi tập*”, *Nam Phong tạp chí*, số 29, tháng 11, tr. 427-428.
- Đông Châu (Sao lục) (1920), “*Bạch Vân thi tập*”, *Nam Phong tạp chí*, số 35, tháng 5, tr. 446-447
- Đông Châu (1921), “*Các bậc danh nho nước ta - Nguyễn Bình Khiêm*”, *Nam Phong tạp chí*, Hà Nội, số 53, tháng 11, tr. 428-431.
- Sở Cuồng (Biên soạn) (1930), *Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm sấm ký*. Trịnh Văn Bích Xb., Hà Nội, tr. 1-53.
- Tân Đà (1934), “*Câu chuyện nói về thơ*”, *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 30, ra ngày 22-12, tr.24.
- Tân Đà (1935), “*Câu chuyện nói về thơ*”, *Tiểu thuyết thứ bảy*, số 32, ra ngày 5-1, tr.26.
- Hy Đàm (1944), “*Thơ sấm - Từ gió thu trong một bài thơ sấm đến mây vùn tuyệt bút của một nhà nho và bài thơ giảng bút của Bạch Vân Trình*”, *Tri Tân tạp chí*, Hà Nội, số 166, ra ngày 16-11, tr. 16-17 (968-969).
- Lan Đình (1938), “*Sấm Trạng Trình*”, *Diễn tín*, số 968, Sài Gòn, ra ngày 19-4, tr.1.

- Dương Quảng Hàm (1942), *Việt Nam văn học sử yếu*. Nha Học chính Đông Pháp Xb., Hà Nội...
- Dương Quảng Hàm (1943), *Việt Nam thi văn học tuyển*. Nha Học chính Đông Pháp Xb., Hà Nội, tr. 67-68.
- Dương Quảng Hàm (1951), *Việt Nam văn học sử yếu*. Tái bản lần ba. Bộ Quốc gia Giáo dục Xb., Hà Nội, tr. 39-121.
- V.T. (1930), “Làng Cổ Am và ông Nguyễn Bình Khiêm - Ông Trạng Trình có biết trước rằng làng Cổ Am của ông có ngày nay không?”, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 44, ra ngày 20-3, tr. 14.

- Nguyễn Năm Thông (1940), *Sấm Trạng Trình*. Nxb. Trường Phát, Nam Định, tr. 1-64.
- Nghiêm Toàn (1949), *Việt Nam văn học sử trích yếu*. Nhà sách Vĩnh Bảo xb., Sài Gòn, tr. 98.
- PNTV & Vạn Hoa (1930), “Ông Trạng Trình có biết trước rằng làng Cổ Am của ông có ngày nay không?”, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 48, ra ngày 17-4, tr. 15.
- Thượng Viễn (1930), “Lại nói về ông Trạng Trình và làng Cổ Am”, *Phụ nữ tân văn*, Sài Gòn, số 52, ra ngày 15-5, tr. 15.